

RESEARCH ON THE APPLICATION OF THE COMBINED TRAINING MODEL ACCORDING TO THE ROTATIONAL MODEL AT TRUNG VUONG UNIVERSITY

Nguyen Thi Hanh

Faculty of Economics, Trung Vuong University

Email: hanhntectc@gmail.com

Received: 22/5/2025; Reviewed: 02/6/2025; Revised: 12/6/2025; Accepted: 22/6/2025; Released: 30/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.p2025.v1.i2.a20>

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0003-6555-3335>

The article focuses on the application of the blended learning model according to the rotation model at Trung Vuong University. In the context of international integration and technological development, Vietnamese higher education is facing the need for innovation to meet social needs. The rotation model is considered a potential solution, flexibly combining online and face-to-face learning, helping students to be proactive and personalize their learning process. With a training orientation closely linked to businesses and international integration, Trung Vuong University is gradually innovating and applying this model is expected to make an important contribution to the development of the University.

Keywords: *Blended learning; Rotation model; Higher education; Trung Vuong University; Online learning; Face-to-face learning; Educational innovation.*

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển của công nghệ, giáo dục đại học Việt Nam đang đứng trước yêu cầu đổi mới mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mô hình đào tạo kết hợp (Blended Learning), đặc biệt là mô hình vòng xoay (Rotation Model), đang được quan tâm như một giải pháp tiềm năng. Mô hình này kết hợp linh hoạt giữa học trực tuyến và trực tiếp, tạo điều kiện cho sinh viên chủ động, cá nhân hóa quá trình học tập. Với định hướng đào tạo gắn liền với doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu xã hội, phục vụ hội nhập và phát triển đất nước, Trường Đại học Trung Vương đang từng bước chuyển mình, tự tin trong đổi mới sáng tạo, hội nhập, khởi nghiệp (startup), nâng tầm sánh vai với các trường đại học trong khu vực và quốc tế. Việc ứng dụng mô hình đào tạo kết hợp theo mô hình vòng xoay sẽ góp phần quan trọng vào quá trình đổi mới này.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu này tập trung vào việc đánh giá khả năng ứng dụng mô hình đào tạo kết hợp theo mô hình vòng xoay tại Trường Đại học Trung Vương. Trong bối cảnh giáo dục đại học ngày càng đổi mới và thích ứng với nhu cầu của xã hội, việc áp dụng các mô hình học tập linh hoạt và hiệu quả là vô cùng quan trọng. Với sự kết hợp giữa học trực tuyến và học trực tiếp, mô hình Blended Learning được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều lợi ích, bao gồm nâng cao tính tương tác, cá nhân hóa quá trình học tập và phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên.

2.1. Các khung lý thuyết chung về đào tạo đại học được tìm hiểu và sử dụng làm cơ sở lý thuyết nền tảng

2.1.1. Khung đầu vào - quá trình - đầu ra (IPO Model: Input - Process - Output): Đây là khung phân tích hệ thống, thường dùng để đánh giá hiệu quả một chương trình đào tạo.

- Đầu vào (Input): Năng lực người học, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, tài chính, chính sách.

- Quá trình (Process): Phương pháp giảng dạy, quá trình học tập, quản trị đào tạo, hoạt động hỗ trợ sinh viên.

- Đầu ra (Output): Kiến thức, kỹ năng, thái độ, cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

Khung này để tích hợp các yếu tố bên trong và bên ngoài môi trường giáo dục.

2.1.2. Khung năng lực (Competency Based Education - CBE): Chương trình đào tạo được thiết kế và đánh giá dựa trên chuẩn năng lực cần có sau khi hoàn thành khóa học. Cấu phần chính của năng lực bao gồm: Kiến thức (Knowledge); Kỹ năng (Skills); Thái độ (Attitude). Đặc điểm của khung năng lực là đánh giá kết quả học tập thông qua năng lực thực hiện, không chỉ dựa vào thời gian học hay điểm số. Người học tiến bộ theo tốc độ cá nhân, tập trung vào thực hành và ứng dụng thực tiễn. Việc sử dụng khung năng lực giúp đào tạo định hướng theo nhu cầu xã hội, đáp ứng thị trường lao động.

2.1.3. Khung mô hình đào tạo kết hợp (Blended Learning/Hybrid Learning): Là sự kết hợp giữa học truyền thống (face-to-face) và học trực tuyến (online). Mô hình này tận dụng ưu điểm của cả hai hình thức: cá nhân hóa, linh hoạt, tương tác sâu. Một số biến thể phổ biến là Flipped Classroom (lớp học đảo ngược), Rotation Model (luân chuyển giữa học online và offline).

2.2. Các lý thuyết nền tảng liên quan

2.2.1. Lý thuyết kiến tạo (Constructivism)

Lý thuyết kiến tạo là một trong những nền tảng triết lý giáo dục hiện đại, nhấn mạnh tri thức không phải là cái gì đó được người dạy truyền thụ một chiều cho người học, mà là quá trình người học tự xây dựng thông qua tương tác với môi trường và người khác. Lý thuyết này được phát triển chủ yếu bởi hai nhà tâm lý học nổi tiếng là Jean Piaget và Lev Vygotsky, mỗi người với những đóng góp đặc trưng nhưng bổ sung lẫn nhau.

Jean Piaget cho rằng, sự phát triển nhận thức của con người diễn ra theo từng giai đoạn cụ thể, từ giai đoạn cảm giác - vận động đến giai đoạn tư duy hình thức. Theo Jean Piaget, người học là chủ thể tích cực trong việc xây dựng kiến thức thông qua quá trình “đồng hóa” (assimilation) và “điều chỉnh” (accommodation) khi họ tiếp nhận thông tin mới và điều chỉnh các khuôn mẫu nhận thức cũ. Ông nhấn mạnh rằng, trẻ em không học một cách thụ động mà chủ động khám phá, thử nghiệm và tương tác với thế giới xung quanh để tạo ra hiểu biết của riêng mình.

Trong khi đó, Lev Vygotsky tập trung vào yếu tố xã hội và văn hóa trong quá trình học tập. Ông nổi bật với khái niệm vùng phát triển gần (Zone of Proximal Development - ZPD) cho rằng, có một khoảng cách giữa những gì người học có thể làm được một mình và những gì họ có thể làm được với sự hỗ trợ từ người khác (giáo viên, bạn học, người hướng dẫn). Lev Vygotsky nhấn mạnh vai trò của ngôn ngữ, giao tiếp và cộng đồng trong việc xây dựng kiến thức và từ đó, lý thuyết kiến tạo mang tính xã hội (social constructivism) được hình thành.

Một số nguyên tắc cốt lõi của lý thuyết kiến tạo bao gồm:

- Người học là trung tâm: Việc học tập bắt nguồn từ nhu cầu, kinh nghiệm và trình độ hiện tại của người học.

- Kiến thức là sự kiến tạo cá nhân và xã hội: Người học xây dựng tri thức dựa trên trải nghiệm cá nhân, nhưng cũng thông qua hợp tác, thảo luận và phản biện với người khác.

- Học tập là một quá trình chủ động: Người học khám phá, đặt câu hỏi, thử nghiệm giả thuyết và điều chỉnh kiến thức của mình.

- Môi trường học tập cần tạo điều kiện cho sự khám phá và hợp tác: Giáo viên không đơn thuần là người truyền đạt, mà là người thiết kế tình huống học, hỗ trợ, hướng dẫn và khơi gợi tư duy phản biện.

Lý thuyết kiến tạo đã ảnh hưởng sâu sắc đến thực tiễn giáo dục hiện đại. Phương pháp dạy học kiến tạo khuyến khích học tập theo dự án, học theo tình huống, thảo luận nhóm, học qua trải nghiệm và các hình thức học tập gắn liền với thực tiễn. Người học được khuyến khích phát biểu ý kiến, đặt câu hỏi, tranh luận và tự tìm tòi thay vì chỉ tiếp nhận kiến thức một chiều.

Tuy nhiên, lý thuyết kiến tạo cũng đối mặt với một số thách thức trong ứng dụng thực tiễn, đặc biệt là trong môi trường có sĩ số lớn, thời gian dạy học hạn chế, hoặc nơi học sinh chưa quen với tư duy phản biện và làm việc độc lập. Dù vậy, đây vẫn là nền tảng lý thuyết quan trọng cho việc thiết kế chương trình đào tạo theo hướng lấy người học làm trung tâm và tăng cường sự chủ động, sáng tạo trong học tập.

2.2.2. Lý thuyết phù hợp giữa người học và môi trường đào tạo (Person - Environment Fit Theory)

Lý thuyết Person-Environment Fit (PE-Fit) là một lý thuyết trong tâm lý học tổ chức và giáo dục nhấn mạnh rằng, sự phù hợp giữa cá nhân và môi trường xung quanh là yếu tố quyết định đến hiệu quả học tập, sự hài lòng, động lực và mức độ gắn bó của người học. Lý thuyết được đặt nền móng bởi John Holland với mô hình phân loại loại hình nghề nghiệp (RIASEC) và sau đó, được phát triển sâu hơn trong lĩnh vực giáo dục và tổ chức bởi các học giả như Kristof-Brown và Chatman.

Theo PE-Fit, hiệu quả của quá trình học tập không chỉ phụ thuộc vào bản thân người học hay chất lượng chương trình đào tạo, mà quan trọng hơn là mức độ tương thích giữa đặc điểm cá nhân của người học (person) và môi trường đào tạo (environment). Khi có sự tương thích cao, người học thường có cảm giác được hỗ trợ, thấu hiểu và từ đó, nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức, tham gia tích cực và phát triển bản thân.

Ba dạng phổ biến của “fit” trong môi trường đào tạo bao gồm:

- Person-Organization Fit (POF): Mức độ phù hợp giữa người học và các giá trị văn hóa, mục tiêu chung của tổ chức đào tạo (trường học, trung tâm...). Nếu người học cảm thấy đồng thuận với phương châm hoạt động, tôn chỉ giáo dục của nhà trường, họ sẽ dễ dàng hòa nhập và phát triển.

- Person-Program Fit (PPF): Mức độ phù hợp giữa người học và chương trình đào tạo mà họ tham gia. Ví dụ, một người thiên về thực hành sẽ có “fit” cao hơn với chương trình đào tạo chú trọng thực hành thay vì lý thuyết.

- Person-Teaching Method Fit (PTF): Mức độ phù hợp giữa phong cách học tập của người học và phương pháp giảng dạy được áp dụng. Một người học qua trải nghiệm sẽ phù hợp với phương pháp dạy học tích cực (project-based learning), trong khi người học thiên về lý thuyết có thể thích nghi tốt với phương pháp giảng dạy truyền thống.

Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ “fit” bao gồm: Đặc điểm tính cách, giá trị cá nhân, động cơ học tập, sở thích nghề nghiệp, phương pháp tiếp cận tri thức của người học, cũng như phong cách giảng dạy, cấu trúc chương trình, văn hóa tổ chức, cơ sở vật chất và hỗ trợ học tập của môi trường đào tạo.

Lý thuyết PE-Fit mang lại ý nghĩa thực tiễn sâu sắc trong thiết kế chương trình đào tạo. Việc đánh giá và nâng cao mức độ phù hợp giúp tăng khả năng thành công của người học, đồng thời giảm tình trạng bỏ học, chán nản hay mất định hướng. Đặc biệt là trong giáo dục đại học, việc định hướng nghề nghiệp, đánh giá sở thích và phong cách học tập có thể giúp người học chọn ngành, trường, phương pháp học hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, một trong những thách thức của PE-Fit là sự biến động liên tục của cả yếu tố “person” và “environment”. Người học có thể thay đổi nhu cầu, động cơ theo thời gian, còn môi trường đào tạo cũng liên tục đổi mới. Do đó, việc duy trì sự “fit” là một quá trình linh hoạt, đòi hỏi cả hệ thống đào tạo và cá nhân người học đều phải thích ứng liên tục.

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, mô hình đào tạo kết hợp (Blended Learning) - kết hợp giữa học trực tiếp và học trực tuyến đang trở thành xu hướng chủ đạo trong các trường đại học. Tại Trường Đại học Trung Vương, việc triển khai hiệu quả mô hình này không chỉ phụ thuộc vào công nghệ, mà còn liên quan sâu sắc đến các yếu tố tâm lý - giáo dục, đặc biệt là qua lăng kính của lý thuyết kiến tạo (Constructivism) và lý thuyết phù hợp giữa người học và môi trường đào tạo (Person-Environment Fit Theory).

Theo lý thuyết kiến tạo của Jean Piaget và Lev Vygotsky, người học chủ động kiến tạo tri thức thông qua tương tác với môi trường và cộng đồng học tập. Mô hình Blended Learning nếu được thiết kế phù hợp sẽ tạo điều kiện tối ưu cho quá trình này, khi người học có thể học mọi lúc, mọi nơi (tương tác với môi trường học trực tuyến), đồng thời vẫn duy trì được sự hợp tác, thảo luận và phản biện trong lớp học trực tiếp. Tuy nhiên, để thúc đẩy quá trình kiến tạo tri thức hiệu quả, chương trình cần đảm bảo tính linh hoạt, cá nhân hóa, có cơ chế hỗ trợ và phản hồi kịp thời, cũng như khuyến khích học tập hợp tác thay vì đơn thuần chuyển đổi bài giảng lên nền tảng số.

Bên cạnh đó, lý thuyết PE-Fit nhấn mạnh vai trò

của sự phù hợp giữa người học và môi trường đào tạo. Việc triển khai Blended Learning tại Trường Đại học Trung Vương cần chú trọng ba dạng “fit” quan trọng. Thứ nhất, Person-Program Fit (PPF) - sự tương thích giữa nội dung chương trình học và phong cách học của sinh viên, cần phân tích đặc điểm thể hệ sinh viên Gen Z để thiết kế nội dung học tập ngắn gọn, sinh động, tích hợp đa phương tiện; thứ hai, Person-Teaching Method Fit (PTF) - giảng viên cần linh hoạt trong phương pháp giảng dạy, kết hợp giữa giảng giải, học qua tình huống, dự án nhằm phù hợp với nhiều kiểu học khác nhau; thứ ba, Person-Organization Fit (POF) - sinh viên cần cảm thấy giá trị cá nhân, mục tiêu học tập của họ phù hợp với định hướng giáo dục và văn hóa học thuật của nhà trường, nhất là trong môi trường học tập kết hợp đòi hỏi tính tự giác cao.

Nghiên cứu của tác giả đã dựa trên khung mô hình đào tạo kết hợp để xem xét các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc triển khai mô hình Blended Learning tại Trường Đại học Trung Vương, bao gồm:

- Cơ sở vật chất: Đánh giá mức độ đáp ứng của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị hỗ trợ học trực tuyến.

- Năng lực giảng viên: Xem xét khả năng và sự sẵn sàng của giảng viên trong việc áp dụng các phương pháp giảng dạy trực tuyến và kết hợp.

- Ý thức tự học của sinh viên: Đánh giá mức độ chủ động và khả năng tự học của sinh viên trong môi trường học tập linh hoạt.

Mục tiêu chính của nghiên cứu là đề xuất các giải pháp khả thi để triển khai hiệu quả mô hình Blended Learning tại Trường Đại học Trung Vương nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để thu thập và phân tích dữ liệu.

3.1. Phương pháp định lượng

- Thống kê và phân tích số liệu về cơ sở vật chất, năng lực giảng viên và ý thức tự học của sinh viên.

- Sử dụng bảng khảo sát để thu thập ý kiến của giảng viên và sinh viên về mô hình Blended Learning.

3.2. Phương pháp định tính

- Phỏng vấn sâu các giảng viên và cán bộ quản lý để thu thập thông tin chi tiết về kinh nghiệm và quan điểm của họ về mô hình Blended Learning.

- Phân tích các báo cáo và tài liệu liên quan đến hoạt động đào tạo của Trường Đại học Trung Vương.

Dữ liệu thu thập được sẽ được phân tích và tổng

hợp để đưa ra những đánh giá khách quan và đề xuất các giải pháp cụ thể để triển khai hiệu quả mô hình Blended Learning tại Đại học Trung Vương.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Mô hình vòng xoay

Mô hình vòng xoay (Rotation Model) là một trong những hình thức phổ biến của mô hình đào tạo kết hợp (Blended Learning), được thiết kế để tận dụng thế mạnh của cả học trực tuyến và trực tiếp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và cá nhân hóa trải nghiệm học tập. Điểm đặc trưng của mô hình vòng xoay là sinh viên sẽ luân phiên giữa các hoạt động học tập theo lịch trình định sẵn, có thể theo nhóm hoặc cá nhân, tùy vào mục tiêu và cấu trúc của chương trình đào tạo.

Một trong những lợi thế chính của mô hình vòng xoay là khả năng đa dạng hóa phương pháp dạy học, tạo điều kiện cho người học tiếp cận kiến thức theo nhiều hình thức, từ đó tăng cường khả năng hiểu sâu, phân xạ tư duy và ứng dụng thực tiễn. Ngoài ra, việc tổ chức học theo ca luân phiên cũng giúp tối ưu hóa không gian lớp học, giảm tải áp lực cho giáo viên và tạo điều kiện theo dõi tiến độ học tập của từng cá nhân hiệu quả hơn.

Theo Lan (2022), mô hình vòng xoay có nhiều biến thể khác nhau, trong đó phổ biến nhất gồm bốn loại sau:

- Xoay vòng trạm (Station Rotation): Đây là hình thức luân phiên theo nhóm, trong đó sinh viên di chuyển qua các “trạm học tập” khác nhau trong một buổi học - ví dụ như một trạm học trực tuyến với máy tính hoặc thiết bị di động, một trạm thảo luận nhóm có giáo viên hỗ trợ và một trạm làm việc cá nhân. Mô hình này thường được sử dụng hiệu quả ở các lớp học có sĩ số đông hoặc trong các môn học cần nhiều hoạt động tương tác.

- Xoay vòng phòng lab (Lab Rotation): Sinh viên được phân bổ thời gian học luân phiên giữa lớp học truyền thống và phòng máy tính (lab) để học trực tuyến. Mô hình này phù hợp với các môn học có yếu tố kỹ thuật, cần sử dụng phần mềm chuyên dụng hoặc nền tảng học tập điện tử có tính tương tác cao.

- Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom): Đây là mô hình được áp dụng rộng rãi trong đào tạo đại học hiện nay. Sinh viên sẽ tự học lý thuyết trước ở nhà thông qua các video, tài liệu, bài giảng trực tuyến; sau đó, đến lớp để tham gia thảo luận, làm bài tập nhóm, giải quyết tình huống và tương tác sâu với giảng viên. Mô hình này đề cao tính chủ động, kỹ năng tư duy phân biện và khả năng ứng dụng kiến thức.

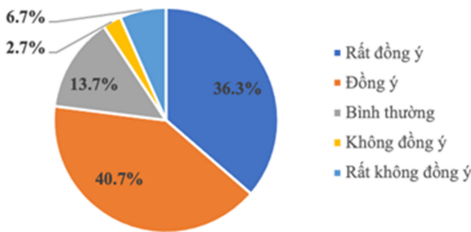
- Xoay vòng cá nhân (Individual Rotation): Trong mô hình này, mỗi sinh viên có một lịch trình học tập riêng, được thiết kế phù hợp với năng lực, sở thích

và tiến độ cá nhân. Đây là hình thức học tập cá nhân hóa cao, thường được hỗ trợ bởi các nền tảng học tập thông minh, có khả năng phân tích dữ liệu học tập để điều chỉnh nội dung và phương pháp học phù hợp với từng người học.

Việc áp dụng mô hình vòng xoay tại các cơ sở giáo dục đại học như Trường Đại học Trung Vương đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên, hệ thống quản lý học tập (LMS), cơ sở vật chất và hỗ trợ kỹ thuật. Mô hình này không chỉ giúp phát huy vai trò chủ động của sinh viên, mà còn tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng cá nhân hóa và linh hoạt hơn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong thời kỳ chuyển đổi số hiện nay.

4.2. Kết quả đào tạo kết hợp theo đánh giá của người học ở các trường đại học tại Việt Nam

Theo nghiên cứu của Ngô Thị Mai (2023) về “Đào tạo kết hợp (Blended learning) trong các trường đại học - đánh giá của người học” tại một số trường đại học ở Việt Nam:



Hình 1. Nhu cầu đào tạo kết hợp của người học
Nguồn. (Mai,NT., 2023)

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, đặc biệt là sau đại dịch COVID-19, đào tạo kết hợp (Blended Learning) đang nổi lên như một phương pháp học tập tối ưu, đặc biệt phù hợp với thế hệ người học trẻ - thế hệ Z. Theo nghiên cứu của Mai, N.T. (2023), có đến 77% người học thuộc thế hệ Z bày tỏ sự đồng tình và rất đồng tình với việc áp dụng mô hình đào tạo kết hợp trong môi trường đại học. Tỷ lệ này phản ánh rõ ràng rằng, Blended Learning không chỉ là một xu hướng tạm thời, mà đã trở thành một nhu cầu thiết yếu, phù hợp với phong cách học tập và kỳ vọng của sinh viên hiện đại.

Một trong những yếu tố được người học đánh giá cao nhất là tính linh hoạt và thuận tiện mà mô hình này mang lại. Có đến 82.3% sinh viên cho rằng, đào tạo kết hợp giúp họ học tập dễ dàng hơn theo nhu cầu và nhịp độ cá nhân. Thế hệ Z lớn lên trong môi trường số, có xu hướng đề cao tính cá nhân hóa và sự chủ động trong học tập. Do đó, một mô hình cho phép sinh viên có thể tự học lý thuyết ở bất kỳ đâu, vào bất kỳ thời điểm nào, đồng thời vẫn được tham gia các lớp học trực tiếp để trao đổi, phân biện và

thực hành, rõ ràng đã đáp ứng được kỳ vọng học tập cá nhân hóa ngày càng cao của họ.

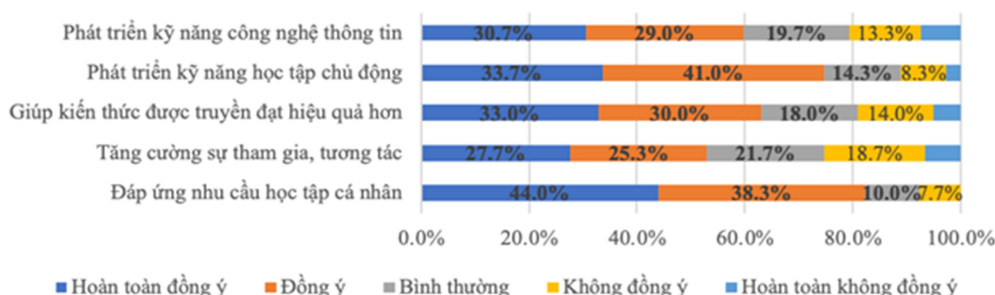
Bên cạnh yếu tố thuận tiện, mô hình đào tạo kết hợp còn góp phần nâng cao năng lực học tập chủ động và hình thành thói quen học tập suốt đời - hai năng lực thiết yếu của người học trong xã hội tri thức hiện đại. Theo thống kê, 74.7% người học đồng ý rằng, mô hình này giúp họ rèn luyện khả năng tự học, tự quản lý thời gian và chủ động tìm kiếm kiến thức. Việc học trực tuyến giúp sinh viên tiếp cận nội dung bài học với tốc độ phù hợp với bản thân, trong khi các hoạt động tại lớp học truyền thống giúp củng cố, mở rộng và thực hành kiến thức, từ đó xây dựng thói quen tự chịu trách nhiệm với quá trình học tập của chính mình.

Ngoài ra, mô hình đào tạo kết hợp cũng được đánh giá cao về hiệu quả truyền đạt kiến thức và phát triển kỹ năng công nghệ. Có 63% sinh viên cho rằng, hình thức học tập này giúp việc tiếp thu kiến thức trở nên dễ dàng hơn nhờ vào việc đa dạng hóa tài nguyên học tập, bao gồm video, bài giảng tương tác, diễn đàn học tập và các hoạt động thảo luận trực tiếp. Đồng thời, 59,7% người học khẳng định rằng, Blended Learning giúp họ nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin như thao tác trên hệ thống quản lý học tập (LMS), tìm kiếm và xử lý tài

liệu số, giao tiếp qua nền tảng trực tuyến - những kỹ năng quan trọng trong môi trường học tập và làm việc hiện đại.

Tuy nhiên, hiệu quả nổi bật nhưng ít được đề cập hơn là khả năng tăng cường sự tham gia và tương tác trong lớp học. Với 53% sinh viên đồng tình, đào tạo kết hợp tạo ra nhiều không gian để người học chủ động tham gia vào bài giảng hơn so với các mô hình truyền thống đơn thuần. Việc kết hợp các công cụ trực tuyến (quiz, khảo sát nhanh, diễn đàn thảo luận, phản hồi thời gian thực...) với các hoạt động trên lớp giúp xây dựng môi trường học tập đa chiều, kích thích tư duy phản biện và sự kết nối giữa người học với nhau cũng như với giảng viên.

Tóm lại, các số liệu từ nghiên cứu của Mai, N.T. (2023) cho thấy rõ mức độ chấp nhận cao và lợi ích đa chiều của mô hình đào tạo kết hợp đối với người học thế hệ Z. Đây là nhóm đối tượng năng động, ưa thích công nghệ, đòi hỏi cao về tính linh hoạt và sự cá nhân hóa trong học tập. Việc thiết kế và triển khai các chương trình đào tạo kết hợp phù hợp với đặc điểm của nhóm người học này không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo, mà còn góp phần định hình văn hóa học tập hiện đại, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số giáo dục.



Hình 2. Đánh giá hiệu quả của đào tạo kết hợp - Nguồn. (Mai, NT., 2023)

Những kết quả thu được từ khảo sát của Mai, NT., (2023) cho thấy, đào tạo kết hợp (Blended Learning) mang lại nhiều lợi ích vượt trội so với việc chỉ áp dụng một hình thức đào tạo duy nhất - trực tiếp hoặc trực tuyến. Mô hình này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức, mà còn tăng cường kỹ năng học tập chủ động, kỹ năng công nghệ và khả năng tương tác của người học. Bên cạnh đó, đào tạo kết hợp cũng tạo điều kiện để người dạy đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ số và cá nhân hóa việc hỗ trợ người học, từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy toàn diện.

Tại Việt Nam, nhu cầu học tập theo hình thức đào tạo kết hợp đang ngày càng gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh sinh viên thuộc thế hệ Z chiếm đa số. Đây

là nhóm người học quen thuộc với môi trường số, có xu hướng tìm kiếm sự linh hoạt, cá nhân hóa và chủ động trong quá trình học tập. Do đó, việc triển khai đào tạo kết hợp không chỉ là xu thế, mà còn là giải pháp phù hợp để các trường đại học thích ứng với đặc điểm người học hiện đại và yêu cầu của giáo dục đại học trong thời kỳ chuyển đổi số.

Trường Đại học Trưng Vương hoàn toàn có thể nghiên cứu và từng bước ứng dụng mô hình đào tạo kết hợp vào chương trình đào tạo của mình. Việc này không những giúp Trường nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng nhu cầu học tập thực tế, mà còn góp phần xây dựng môi trường giáo dục linh hoạt, hiện đại và gắn kết hơn giữa người học và giảng viên trong kỷ nguyên số.

4.3. Khảo sát thực trạng và đánh giá khả năng ứng dụng tại Trường Đại học Trung Vương

Nghiên cứu được thực hiện thông qua thu thập số liệu báo cáo, thống kê, ý kiến cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại học Trung Vương. Kết quả cho thấy:

Cơ sở vật chất là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định đến chất lượng đào tạo, đặc biệt trong bối cảnh triển khai mô hình đào tạo kết hợp và học trực tuyến. Trường Đại học Trung Vương đã thể hiện sự quan tâm và đầu tư đáng kể cho lĩnh vực này. Trong những năm gần đây, Trường đã xây dựng hệ thống giảng đường khang trang, hiện đại, đáp ứng tốt yêu cầu cho hoạt động học tập trực tiếp của sinh viên và giảng viên. Các giảng đường được trang bị hệ thống chiếu sáng, âm thanh, điều hòa, bảng tương tác và các phương tiện hỗ trợ giảng dạy cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giảng dạy truyền thống và tương tác nhóm.

Bên cạnh đó, năm 2023, Trường đã chính thức thành lập Trung tâm Hợp tác và Đào tạo E-learning, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong chiến lược chuyển đổi số giáo dục và đổi mới phương pháp đào tạo. Trung tâm không chỉ là đơn vị chuyên trách trong phát triển nội dung đào tạo trực tuyến, mà còn đóng vai trò hỗ trợ kỹ thuật, điều phối hoạt động giảng dạy và tư vấn triển khai mô hình học tập kết hợp cho các khoa, bộ môn trong toàn trường.

Đặc biệt, năm 2024, Trường Đại học Trung Vương đã triển khai chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học theo hình thức E-learning đối với bốn ngành học: Luật Kinh tế; Quản trị Kinh doanh; Kế toán; Tài chính - Ngân hàng. Đây là một nỗ lực có ý nghĩa lớn nhằm mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục đại học cho người học ở nhiều địa phương khác nhau, đồng thời khẳng định năng lực tổ chức đào tạo từ xa của Trường trong giai đoạn mới. Chương trình bước đầu đã nhận được sự hưởng ứng tích cực từ người học và được đánh giá cao về tính linh hoạt, nội dung phù hợp và hiệu quả tiếp cận tri thức.

Tuy nhiên, để mô hình E-learning thực sự đạt được hiệu quả tối ưu và đảm bảo chất lượng học tập trực tuyến bền vững, Trường vẫn cần tiếp tục nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cụ thể là đường truyền Internet ổn định, băng thông cao để phục vụ các lớp học trực tuyến, phòng máy tính chuyên dụng và trang bị thêm các thiết bị học tập hỗ trợ như webcam, tai nghe, máy tính cấu hình cao và bảng tương tác thông minh. Việc đầu tư này không chỉ giúp đảm bảo chất lượng kết nối và tương tác trong các lớp học online, mà còn hỗ trợ cho việc xây dựng bài giảng điện tử, kiểm tra, đánh giá trực tuyến và quản lý học tập thông qua hệ thống LMS một cách hiệu quả hơn.

Về năng lực giảng viên, có thể khẳng định rằng, Trường Đại học Trung Vương đang sở hữu một đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm giảng dạy phong phú và tâm huyết với nghề. Đây là nền tảng quan trọng để triển khai thành công mô hình đào tạo kết hợp, vốn đòi hỏi người giảng dạy không chỉ nắm chắc kiến thức chuyên môn, mà còn phải linh hoạt trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, để đáp ứng tốt yêu cầu của hình thức đào tạo mới, đội ngũ giảng viên cần được tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy trực tuyến, kỹ năng thiết kế bài giảng số, sử dụng các nền tảng công nghệ và phần mềm dạy học như Moodle, Google Classroom, MS Teams, Zoom, Canva, Nearpod... Những năng lực này không chỉ giúp bài giảng trở nên sinh động, hấp dẫn hơn, mà còn tạo điều kiện để sinh viên tương tác, phản hồi và tham gia tích cực vào quá trình học tập.

Về phía người học, đánh giá thực tế cho thấy, sinh viên Trường Đại học Trung Vương có ý thức tự học tốt, biết chủ động tìm kiếm thông tin, mở rộng kiến thức ngoài giờ học chính khóa (Hoàn, 2024). Đây là điểm mạnh giúp sinh viên dễ dàng thích nghi với môi trường học tập kết hợp - nơi sự chủ động và tự giác đóng vai trò quyết định đến hiệu quả học tập. Tuy vậy, để khai thác tối đa tiềm năng của người học trong mô hình mới, Trường nên xây dựng các chương trình định hướng, hỗ trợ kỹ năng học tập trực tuyến như kỹ năng quản lý thời gian, phương pháp đọc hiểu tài liệu số, kỹ năng tham gia lớp học online hiệu quả, kỹ năng tự đánh giá và phản hồi học tập. Việc tổ chức các buổi tập huấn đầu khóa, tạo nhóm hỗ trợ học tập, triển khai diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm cũng là những biện pháp cần thiết để giúp sinh viên thích nghi và phát triển bền vững trong môi trường học tập hiện đại.

Tóm lại, Trường Đại học Trung Vương đã có những bước chuẩn bị cơ bản và đạt được những thành tựu bước đầu trong việc triển khai đào tạo kết hợp. Tuy nhiên, để tiến xa và đạt hiệu quả cao hơn, Trường cần tiếp tục đầu tư toàn diện về hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực giảng viên và thiết kế các giải pháp hỗ trợ người học một cách hệ thống, đồng bộ.

5. Luận bàn về việc triển khai hiệu quả mô hình Blended Learning tại Trường Đại học Trung Vương

Trong bối cảnh giáo dục đại học không ngừng đổi mới và thích ứng với yêu cầu của xã hội, việc áp dụng mô hình đào tạo kết hợp (Blended Learning) trở thành một xu hướng tất yếu. Tại Trường Đại học Trung Vương, việc triển khai mô hình này không chỉ là một sự thay đổi về phương pháp giảng dạy, mà còn là một bước tiến quan trọng trong việc nâng cao

chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu của người học.

Để triển khai hiệu quả mô hình Blended Learning, việc đầu tư vào hạ tầng công nghệ là điều kiện tiên quyết. Trường cần đảm bảo chất lượng đường truyền Internet ổn định, trang bị đầy đủ thiết bị cho cả sinh viên và giảng viên. Điều này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và giảng dạy trực tuyến, mà còn thể hiện sự quan tâm của Trường đối với việc ứng dụng công nghệ vào giáo dục.

Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên cũng đóng vai trò then chốt. Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy trực tuyến, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin là cần thiết để giảng viên có thể tự tin và hiệu quả trong việc thiết kế và triển khai các hoạt động học tập trực tuyến. Đồng thời, việc xây dựng hệ thống tài liệu, học liệu trực tuyến chất lượng cao cũng góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình dạy và học.

Không chỉ chú trọng vào yếu tố công nghệ và giảng viên, việc tăng cường ý thức tự học cho sinh viên cũng là một nhiệm vụ quan trọng. Trường cần phát triển các chương trình hỗ trợ sinh viên tự học, rèn luyện kỹ năng quản lý thời gian, tìm kiếm thông tin. Xây dựng một môi trường học tập trực tuyến thân thiện, khuyến khích sự tương tác và trao đổi giữa sinh viên cũng là một yếu tố quan trọng để tạo động lực học tập.

Để đảm bảo mọi sinh viên đều có cơ hội tiếp cận với mô hình Blended Learning, Trường cần có những chính sách hỗ trợ học bổng, vay vốn cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Điều này thể hiện sự công bằng và tạo điều kiện cho tất cả sinh viên phát huy tối đa khả năng của mình.

Cuối cùng, việc hoàn thiện hệ thống đánh giá là một bước quan trọng để đảm bảo tính khách quan và công bằng trong quá trình đào tạo. Xây dựng một hệ thống đánh giá đa dạng, kết hợp giữa đánh giá định lượng và định tính, đảm bảo tính minh bạch và công khai sẽ giúp đánh giá chính xác năng lực của sinh viên và hiệu quả của mô hình Blended Learning.

Tóm lại, việc triển khai hiệu quả mô hình Blended Learning tại Trường Đại học Trung Vương đòi hỏi sự nỗ lực và phối hợp của tất cả các bên liên quan. Với sự đầu tư đúng đắn và những giải pháp phù hợp, Trường có thể tạo ra một môi trường học tập hiện đại, linh hoạt và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

6. Kết luận và một số khuyến nghị

Việc ứng dụng mô hình đào tạo kết hợp (Blended Learning) theo mô hình vòng xoay (Rotation Model) tại Trường Đại học Trung Vương là hoàn toàn khả thi và mang lại nhiều lợi ích. Mô hình này không chỉ tạo ra sự linh hoạt trong quá trình học tập,

mà còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng tự học và thích ứng với môi trường công nghệ số. Tuy nhiên, để triển khai thành công mô hình này, cần có sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa Trường, giảng viên và sinh viên. Sự chuẩn bị kỹ lưỡng về cơ sở vật chất, năng lực giảng viên và ý thức tự học của sinh viên là những yếu tố then chốt quyết định sự thành công của mô hình Blended Learning tại Trường Đại học Trung Vương.

Một số khuyến nghị:

(i) Kế hoạch triển khai cụ thể: Trường cần xây dựng một kế hoạch chi tiết với lộ trình rõ ràng để triển khai mô hình Blended Learning theo mô hình vòng xoay. Kế hoạch này cần bao gồm các giai đoạn chuẩn bị, triển khai và đánh giá, cùng với các mục tiêu và chỉ số đo lường cụ thể.

(ii) Sự tham gia của các bên liên quan: Cần tạo điều kiện để giảng viên, sinh viên và các bên liên quan có thể tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình triển khai mô hình. Việc lắng nghe và tiếp thu ý kiến từ các bên sẽ giúp đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của mô hình.

(iii) Đánh giá và cải tiến liên tục: Cần thiết lập một hệ thống đánh giá thường xuyên để theo dõi và đánh giá hiệu quả của mô hình Blended Learning. Kết quả đánh giá sẽ là cơ sở để rút kinh nghiệm và điều chỉnh, hoàn thiện mô hình, đảm bảo chất lượng đào tạo ngày càng được nâng cao.

(iv) Hỗ trợ công nghệ và đào tạo: Đảm bảo cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của mô hình Blended Learning. Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho giảng viên về kỹ năng sử dụng công nghệ và phương pháp giảng dạy trực tuyến. Cung cấp tài liệu hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật cho cả giảng viên và sinh viên.

(v) Tạo môi trường học tập trực tuyến tích cực: Khuyến khích sự tương tác và trao đổi giữa sinh viên và giảng viên trên các nền tảng học tập trực tuyến. Xây dựng cộng đồng học tập trực tuyến, nơi sinh viên có thể chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm. Tạo động lực cho sinh viên tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trực tuyến.

Tóm lại, việc ứng dụng và áp dụng mô hình Blended Learning tại Trường Đại học Trung Vương không chỉ là bài toán công nghệ, mà còn là quá trình thiết kế lại hệ sinh thái học tập theo hướng lấy người học làm trung tâm, đảm bảo sự phù hợp giữa cá nhân và môi trường, cũng như tạo điều kiện để người học kiến tạo tri thức một cách chủ động, phản biện và cộng tác. Trong khuôn khổ giới hạn của nghiên cứu này, tác giả chưa tiên hành xây dựng bảng hỏi, khảo sát thực tế nhu cầu của người học, giảng viên và cán bộ quản lý, phụ trách đào tạo để xây dựng mô hình đào tạo kết hợp theo mô hình vòng xoay phù hợp với thực tế và nhu cầu đào tạo tại Trường Đại học Trung Vương. Với những nghiên cứu chuyên sâu sau này, tác giả hy vọng có thể tiếp tục đề cập đến việc triển khai mô hình trên tại Trường ở bài nghiên cứu sau.

Tài liệu tham khảo

- Hoàn, N. (2024). *Phát huy tính tích cực của người học trong quá trình dạy - học các học phần khoa cơ bản tại Đạo học Trưng Vương. Kỳ yếu toạ đàm khoa học: “Đổi mới phương pháp giảng dạy tại Trường Đại học Trưng Vương hướng tới đáp ứng chuẩn đầu ra”*, 32-33.
- Lan, T. (2022, 6 14). *Vận dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning) trong giảng dạy chủ nghĩa xã hội khoa học ở trường đại học sư phạm - đại học Thái Nguyên - Những yêu cầu và thách thức*. Truy cập từ <https://www.academia.edu>
- Mai, N. T. (2023). *Đào tạo kết hợp (Blended learning) trong các trường đại học - đánh giá của người học. Báo cáo tổng kết công tác đào tạo từ xa năm 2024- Trường Đại học Trưng Vương*.
- Arabasz, P. and Baker, M.B, (2003). *Evolving Campus Support Models for ELearning Courses, Center of Applied Research Respondent Summary*. Accessed 8th Feb 2021, Available at: <https://www.educause.edu/ir/library/pdf/EKF/ekf0303.pdf>.
- Bonk, C. J., & Graham, C. R. (Eds.), (2006). *Handbook of Blended Learning: Global Perspectives. Local Designs*, San Francisco, CA: Pfeiffer Publishing.
- Garrison, D. R., & Kanuka, H. (2004). *Blended learning: Uncovering its transformative potential in higher education. The Internet and Higher Education*, 7(2), 95-105.
- Garrison, D. R., & Vaughan, N, (2008). *Blended learning in higher education*. San Francisco, CA: Jossey-Bass.
- Kanuka, H., Brooks, C., & Saranchuck, N, (2009). *Flexible learning and cost effective mass offerings, Paper presented at the Improving University Teaching (IUT), Vancouver, CA*.
- Graham, C. R., Woodfield, W., & Harrison, J. B, (2013). A framework for institutional adoption and implementation of blended learning in higher education. *Internet and Higher Education*, 18(3), p.4-14, Doi: 10.1016/j.iheduc.2012.09.003.
- Jeffrey, L. M., Kinshuk, Atkins, C., Laurs, A., & Mann, S, (2006). *E- Learning profiles: Diversity in learning*. Auckland: Massey University.
- Hornby, A. S. (2010). *Oxford Advanced learner's dictionary*. London: Oxford university press.
- Polaris Market Research (2022). *E-learning Market Share, Size, Trends, Industry Analysis Report, By Provider (Content Provider, Service Provider), By Deployment Model (On-premise, Cloud), By Course, By End-User (Academic, Corporate, Government); By Region; Segment Forecast, 2022 - 2030*.
- Robert A. Ellisa, Abelardo Pardob, & Feifei Hana. (2016). Quality in blended learning environments 0 Significant differences in how students approach learning collaborations. *Computers & Education*, 102, November 2016, 90-102.
- Simon, M, (2014), Is Blended Learning the Future of Higher Education? A discussion of MOOCs, Gamers, Connectivists' and Sceptics. *Studies of regional policy*, 17(1), p.67-91.
- Schunk, D. H. (2012). *Learning Theories: An Educational Perspective* (6th ed.). Boston: Pearson Education.
- Piaget, J. (1952). *The Origins of Intelligence in Children*. New York: International Universities Press.
- Vygotsky, L. S. (1978). *Mind in Society: The Development of Higher Psychological Processes*. Cambridge, MA: Harvard University Press.
- Holland, J. L. (1997). *Making Vocational Choices: A Theory of Vocational Personalities and Work Environments* (3rd ed.). Odessa, FL: Psychological Assessment Resources.
- Kristof-Brown, A. L., Zimmerman, R. D., & Johnson, E. C. (2005). “Consequences of Individuals’ Fit at Work: A Meta-Analysis of Person–Job, Person–Organization, Person–Group, and Person–Supervisor Fit.” *Personnel Psychology*, 58(2), 281–342. <https://doi.org/10.1111/j.1744-6570.2005.00672>.
- Chatman, J. A. (1989). “Improving Interactional Organizational Research: A Model of Person–Organization Fit.” *Academy of Management Review*, 14(3), 333–349. <https://doi.org/10.5465/amr.1989.4279063>.

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG MÔ HÌNH ĐÀO TẠO KẾT HỢP THEO MÔ HÌNH VÒNG XOAY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG VƯƠNG

Nguyễn Thị Hạnh

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Trung Vương

Email: hanhtntect@gmail.com.

Ngày nhận bài: 22/5/2025; Ngày phản biện: 02/6/2025; Ngày tác giả sửa: 12/6/2025; Ngày duyệt đăng: 22/6/2025; Ngày phát hành: 30/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.p2025.v1.i2.a20>

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0003-6555-3335>

Bài viết tập trung vào việc ứng dụng mô hình đào tạo kết hợp (Blended Learning) theo mô hình vòng xoay (Rotation Model) tại Trường Đại học Trung Vương. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển công nghệ, giáo dục đại học Việt Nam đang đối mặt với yêu cầu đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội. Mô hình vòng xoay được xem là giải pháp tiềm năng, kết hợp linh hoạt giữa học trực tuyến và trực tiếp, giúp sinh viên chủ động và cá nhân hóa quá trình học tập. Với định hướng đào tạo gắn liền với doanh nghiệp và hội nhập quốc tế, Trường Đại học Trung Vương đang từng bước đổi mới sáng tạo và việc ứng dụng mô hình này được kỳ vọng sẽ đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển của Trường.

Từ khóa: Đào tạo kết hợp; Mô hình vòng xoay; Giáo dục đại học; Trường Đại học Trung Vương; Học trực tuyến; Học trực tiếp; Đổi mới giáo dục.